

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2018/HNGĐ-ST

Ngày 26 /10/2018

V/v “*Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ - TỈNH QUẢNG NINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bàn Thị Hồng - Bà Bùi Thị Kim Loan.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Vũ Xuân Chiêm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Bích Hạnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 10 năm 2018 tại Hội trường xét xử số 2 - Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 210/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2018 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35, ngày 10/10/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Cao Văn C, sinh năm 1971;

Nghề nghiệp: Lái xe.

Nơi ĐKKHKT: Tổ 22, khu Đ, phường CĐ, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh - Có mặt tại phiên tòa

- Bị đơn: Chị Hồ Thị T, sinh năm 1979;

Nghề nghiệp: Nội trợ.

Nơi ĐKKHKT: Tổ 22, khu Đ, phường CĐ, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh - Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn có xác nhận của khu phố khu Đ, phường CĐ, thành phố C ngày 08/5/2018 và đơn khởi kiện bổ xung ngày 4/6/2018 và trong các lời khai tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Cao Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Cao Văn C và chị Hồ Thị T kết hôn với nhau năm 2005, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường CĐ, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Trước khi kết hôn anh chị có thời gian tìm hiểu nhau là một năm. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung cùng với gia đình chồng, tại số nhà 5, tổ 39 cũ, phường CĐ, thành phố C. Đến năm 2007 thì được bố cho đất, hai vợ chồng xây nhà ra ở riêng tại số nhà 5, ngõ Lý Bôn, thuộc tổ 22, khu Đ, phường CĐ, thành phố C cho đến nay.

Quá trình chung sống của vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, nhưng sau khi vợ chồng xây nhà ra ở riêng khoảng 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T chơi bời, lơ đãng và nhiều lần mang tài sản của gia đình đi cầm cố, từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, vợ chồng đã tìm biện pháp khắc phục, nhưng chị T không thay đổi, mâu thuẫn của vợ chồng cũng đã được tổ dân khu phố hòa giải nhưng không đạt kết quả. Hiện tại vợ chồng đang sống ly thân, không còn quan hệ tình cảm, không ai quan tâm đến ai, nay tình cảm của anh C dành cho chị không còn. Xét thấy cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa, anh C yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố C xem xét và giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hồ Thị T.

- Về con chung: Anh Cao Văn C và chị Hồ Thị T có hai con chung là Cao Ngọc Minh Th, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2011 và Cao Minh H, sinh ngày 21 tháng 3 năm 2015. Khi ly hôn, anh Cao Văn C xin được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Cao Minh H, còn con chung Cao Ngọc Minh Th sẽ giao cho chị Hồ Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, bị đơn chị Hồ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị T xác nhận về thời gian, hoàn cảnh kết hôn như phần trình bày của anh Cao Văn C là đúng. Cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, hiện tại hai vợ chồng đang sống ly thân, không ai quan tâm tới ai, cho đến

nay tình cảm của chị T dành cho anh Cao Văn C đã hết và anh C có đơn xin ly hôn, chị T đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh C.

- Về con chung: Chị Hồ Thị T và anh Cao Văn C có hai con chung là Cao Ngọc Minh Th, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2011 và Cao Minh H, sinh ngày 21 tháng 3 năm 2015. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung đến tuổi thành niên và yêu cầu anh C phải chu cấp nuôi dưỡng con chung Cao Ngọc Minh T theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh, thu thập chứng cứ ngày 09/9/2018 có sự tham gia của ông Đoàn Văn B là trưởng khu Đ, có nội dung như sau: Anh Cao Văn C và chị Hồ Thị T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương, sinh sống tại 22, khu Đ, phường CĐ, thành phố C, trong cuộc sống chung của vợ chồng anh C, chị T, tổ dân khu phố thấy hai vợ chồng có mâu thuẫn, tổ dân khu phố có hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không đạt kết quả, hai vợ chồng vẫn cương quyết xin ly hôn. Đề nghị Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị T theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; Nguyên đơn, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo nguyện vọng của nguyên đơn là xin được quyền nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là cháu Cao Minh H và giao con chung Cao Ngọc Minh Th cho chị Th nuôi dưỡng và chăm sóc, xét điều kiện nuôi con chung của anh C là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định theo Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình Tòa án giải quyết đã triệu tập các đương sự viết bản tự khai và triệu tập các đương sự tham gia phiên họp và hòa giải cho các đương sự nhiều lần nhưng đều không thành do bị đơn Hồ Thị T không có mặt, nên Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, đã thực hiện việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho các đương sự theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ngày 10/10/2010 chị T vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử ra Quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay chị T tiếp tục vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

2. Về quan hệ hôn nhân giữa anh Cao Văn C và chị Hồ Thị T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống theo anh C trình bày là do chị T chơi bời, lơ đãng và nhiều lần mang tài sản của gia đình đi cầm cố, từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, thường xuyên cãi chửi nhau ảnh hưởng đến gia đình và con nhỏ, vợ chồng đã tìm cách khắc phục, hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả. Hiện tại vợ chồng không còn quan hệ tình cảm, không ai quan tâm đến ai, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hồ Thị T. Tại bản tự khai chị T cho rằng là do chị làm ăn thua lỗ, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, hiện tại vợ chồng đang sống ly thân, nay anh C có đơn xin ly hôn, chị T đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Tại phiên tòa hôm nay Tòa án đã thuyết phục và khuyên giải anh C để vợ chồng về đoàn tụ, nhưng anh C vẫn cương quyết xin ly hôn với chị T, ngoài ra theo biên bản xác minh tại địa phương của Tòa án ngày 09/9/2018, tổ dân, khu phố cung cấp thì có mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, tổ dân, khu phố đã khuyên giải nhưng không có kết quả, hiện tại anh C, chị T đang sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh C, chị T đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh C xin ly hôn chị T là có căn cứ phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 được chấp nhận.

3. Về con chung: Anh Cao Văn C và chị Hồ Thị T có hai con chung là Cao Ngọc Minh Th, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2011 và Cao Minh H, sinh ngày 21 tháng 3 năm 2015, hiện nay đang ở cùng với mẹ. Khi ly hôn, anh Cao Văn C có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Cao Minh H, còn con chung Cao Ngọc Minh Th sẽ giao cho chị Hồ Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Chị T tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai là muốn được nuôi dưỡng và chăm sóc giáo dục cả hai con chung cho đến tuổi trưởng thành và yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Cao Ngọc Minh Th, quá trình Tòa án gọi chị T lên hòa giải để thống nhất việc giải quyết vụ án, chị T đều vắng mặt, đây thể hiện chị T tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình và tại bản tự khai tại Tòa án chị T không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì để thể hiện anh C không đủ điều kiện nuôi con, còn tại phiên tòa hôm nay anh C cho rằng chị T không có công ăn việc làm cũng như thu nhập ổn định lên không có đủ điều kiện nuôi cả hai con chung, do vậy anh đề nghị được nuôi một con chung là Cao Minh H, vì anh hiện là lái xe Công ty cổ phần than cốc 6 có thu nhập ổn định, đề nghị Tòa án chấp nhận. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con chung của anh C, chị T. Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy nguyện vọng nuôi con chung của anh C là hợp lý, nên sẽ giao con chung Cao Minh H cho anh C chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, còn con chung Cao Ngọc Minh Th sẽ giao cho chị Hồ Thị T chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp, anh C, chị T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

4. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về công nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Anh Cao Văn C phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và

gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Cao Văn C. Cho anh Cao Văn C được ly hôn với chị Hồ Thị T.

2. Về con chung: Giao cho anh Cao Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Cao Minh H, sinh ngày 21 tháng 3 năm 2015 cho đến khi đủ 18 tuổi và giao cho chị Hồ Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Cao Ngọc Minh Th, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2011 cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh C và chị T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Cao Văn C phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Cao Văn C đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002859 ngày 04/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TP. C;
- Chi cục THADS TP. C;
- Các đương sự
- UBND phường CD;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Văn Trọng